

Họ và Tên: _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Bài Tập Tại Nhà #21

Bài Số 20 – Vần OA

I. Em hãy tập đọc và học thuộc lòng các từ vựng sau đây và viết mỗi chữ (tiếng Việt) 3 lần. Sẽ có kiểm tra vào tuần tới

For each of the following Vietnamese words, write it 3 times. Practice reading, writing, and memorize their meanings for the quiz next week

1. *Cái loa – speaker*

2. *Dọa – to threat*

3. *Hoa – flower*

4. *Hoa Kỳ – America*

5. *Hoa Lan – orchid*

6. *Hoa hồng – rose*

7. *Hoá học = chemistry*

8. *Họa sĩ – artist, painter*

9. *Ổ khóa – a lock*

10. Chìa khóa – a key

11. Khoa học – science

12. Nhòa – blur, to fade away

13. Tòa nhà – building

14. Xoa – to rub, to chafe

15. Xóa (xóa bỏ) – to erase; to cross out (a word)

II. Em hãy tập đặt câu với những từ sau đây

Make sentences for the following words

1. Hoa Lan

2. Hoa Hồng

3. Chìa khóa

4. Tòa nhà

5. Hoạ sĩ

Chữ Ký của Phụ Huynh: _____